

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 444/2024/DS-PT
Ngày 18 – 11– 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 210/2024/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:281/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Trần Việt K, sinh năm 1974 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn S, sinh năm 1983;Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C . (Có mặt);

- Người kháng cáo: Ông Trần Việt K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Lê Văn V trình bày:

Ông Trần Việt K và ông Trần Văn S hùn nuôi tôm có nợ của ông tiền mua thuốc thủy sản, thức ăn nuôi tôm, cụ thể sau:

Đợt thứ 1: Từ năm 2020 đến ngày 06/7/2021, ông K nợ tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm 83.480.000 đồng, ông K có ký nhận nợ.

Đợt thứ 2: Từ ngày 06/7/2021 đến ngày 09/7/2021, ông K nợ tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm 13.860.000 đồng.

Đợt thứ 3: Từ ngày 09/7/2021 đến ngày 10/9/2021, ông K và ông S nợ tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm 64.684.000 đồng.

Tổng nợ của ông K và ông S của 3 đợt là 162.024.000 đồng; trong đó ông S nhận nợ 23.000.000 đồng (ông S có làm bản tường trình và ký nhận nợ), phần ông K nợ 139.024.000 đồng. Nay ông V khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền 139.024.000 đồng; đối với khoản ông S nhận nợ 23.000.000 đồng, ông không yêu cầu trong vụ án này.

- Theo ông Trần Việt K trình bày:

Ông có thỏa thuận hùn vốn nuôi tôm với ông V, theo đó: Ông có 03 ao nuôi tôm đã trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho việc nuôi tôm; về các chi phí cải tạo ao, con giống, thức ăn, thuốc, điện, thuê người làm tất cả chia đôi, sau khi thu hoạch trừ các chi phí lời hay lỗ đều chia đôi. Đôi bên thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ. Sau đó, ông tiến hành cải tạo ao, mua con giống, thuốc, trả tiền điện và thuê ông Trần Văn S trông coi, tổng chi phí ông suýt ra là 148.000.000 đồng. Quá trình nuôi tôm, ông thu hoạch được số tiền 101.400.000 đồng và ông đã giao cho ông V 100.000.000 đồng, việc giao tiền không làm giấy tờ.

Do việc hùn vốn nuôi tôm bị lỗ, ông đã xuất ra chi phí 148.000.000 đồng ông tự chịu; phần thuốc thủy sản, thức ăn nuôi tôm 139.024.000 đồng ông V tự chịu, nên ông không đồng ý trả số tiền 139.024.000 đồng cho ông V.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K xác định ngày 06/7/2021, ông có chốt nợ với ông V và ký nhận nợ số tiền 83.480.000 đồng, trong đó gồm: Ông S nợ 23.000.000 đồng; Phần thiệt hại nuôi tôm lỗ 60.480.000 đồng, chia đôi thiệt hại, ông V chịu 30.240.000 đồng, ông chịu 30.240.000 đồng. Ông K xác định, ông S không hùn vốn nuôi tôm với ông, ông S được thuê trông coi việc nuôi tôm, nên không liên quan đến vụ việc này.

- Theo ông Trần Văn S trình bày:

Ông làm thuê cho ông K vào thời điểm ông K và ông V hùn vốn nuôi tôm, nên việc mua bán thuốc thủy sản, thức ăn nuôi tôm giữa ông V và ông K không liên quan đến ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 210/2024/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V đối với ông Trần Việt K. Buộc ông Trần Việt K có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn V số tiền 139.024.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/8/2024, ông Trần Việt K có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Buộc ông K trả cho ông Lê Văn V số tiền 83.480.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu ông V số tiền là 55.544.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Việt K giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Ông K, ông V, ông S không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trần Việt K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Lê Văn V cho rằng từ năm 2020 đến ngày 10/9/2021, ông V có bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản cho ông K, ông K còn nợ ông V số tiền là 139.024.000 đồng chưa thanh toán, nên ông V khởi kiện yêu cầu buộc ông K trả cho ông V số tiền 139.024.000 đồng. Ông K cho rằng giữa ông K và ông V có hùn nuôi tôm với nhau; phần ông K có 03 ao nuôi tôm đã trang bị đầy đủ trang thiết bị; phần chi phí cải tạo ao, con giống, thức ăn, thuốc, điện, thuê người làm làm, tất cả chia đôi; sau khi thu hoạch trừ tất cả chi phí nếu lời hoặc lỗ cũng chia đôi. Quá trình nuôi tôm ông đã xuất ra chi phí 148.000.000 đồng và ông tự chịu, nên phần thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản 139.024.000 đồng ông V tự chịu.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K xác định có ký nhận nợ ông V tiền thức ăn tôm, thuốc thủy sản là 83.480.000 đồng vào ngày 06/7/2021, trong đó có phần ông S là 23.000.000 đồng; còn lại 60.480.000 đồng do ông K và ông V hùn nuôi tôm bị lỗ nên chia đôi thiệt hại, mỗi người phải chịu 30.240.000 đồng, nên ông K chỉ đồng ý trả cho ông V số tiền 30.240.000 đồng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông V không thừa nhận có việc hùn nuôi tôm với ông K, ông K cũng không đưa ra được tài liệu giấy tờ gì chứng minh việc hùn nuôi tôm giữa ông K với ông V như ông K trình bày. Đối với những người được Tòa án xác minh như ông S, bà Diệp, ông Trường, ông Phong họ cũng xác định chỉ nghe ông K nói lại ông K và ông V hùn nuôi tôm, chứ thực tế họ cũng không trực tiếp chứng kiến hoặc biết việc thoả thuận hùn nuôi tôm giữa ông K với ông V. Do đó, chưa đủ căn cứ xác định giữa ông K và ông V có hùn vốn nuôi tôm như ông K trình bày.

[4] Theo sổ theo dõi công nợ do ông V cung cấp thể hiện ngày 06/7/2021 ông K có ký xác nhận công nợ với ông V số tiền là 83.480.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm ông K cũng thừa nhận có ký xác nhận công nợ với ông V vào ngày 06/7/2021 số tiền công nợ là 83.480.000 đồng. Nếu giữa ông K và ông V hùn nuôi tôm như ông K trình bày thì vì sao ông K lại ký xác nhận công nợ của ông V. Như

vậy có căn cứ xác định việc ông V bán cho ông K thuốc thủy sản, thức ăn tôm là có thực tế.

[5] Đối với khoản nợ phát sinh từ ngày 06/7/2021 ngày 10/9/2021 tổng số tiền là 78.544.000 đồng, mặc dù không có ký đối chiếu công nợ của ông K nhưng việc mua bán được ông V ghi chép theo dõi chi tiết trong sổ theo dõi. Lý do không đối chiếu được công nợ, theo ông V trình bày do không liên hệ được với ông K; tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ông K cũng trình bày: “Từ khi nuôi tôm thất bại đến nay không liên hệ được với ông V để đối chiếu”. Như vậy, trình bày của ông V không liên hệ được với ông K để đối chiếu công nợ là có cơ sở.

[6] Đối với khoản nợ phát sinh từ ngày 06/7/2021 đến ngày 10/9/2021 là 78.544.000 đồng, ông V xác định trong đó khoản ông S nợ 23.000.000 đồng, còn lại 55.544.000 đồng là khoản nợ của ông K. Vậy khoản nợ của ông K từ năm 2020 đến ngày 10/9/2021 là 139.024.000 đồng (83.480.000 đồng + 55.544.000 đồng = 139.024.000 đồng).

[7] Tại biên bản hoà giải ngày 07/12/2023, ông K trình bày do việc hùn vốn nuôi tôm bị lỗ nên phần ông chịu chi phí xuất ra 148.000.000 đồng, phần ông V chịu chi phí thuốc và thức ăn nuôi tôm 139.024.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của ông K về số tiền thức ăn tôm, thuốc thủy sản của ông V là phù hợp với trình bày của ông V. Có căn cứ xác định các lần ông K mua thuốc thủy sản, thức ăn nuôi tôm nợ ông V số tiền 139.024.000 đồng, nên buộc ông K có nghĩa vụ trả cho ông V.

[8] Từ nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc ông K trả cho ông V số tiền 139.024.000 đồng là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm ông K phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 210/2024/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V.

Buộc ông Trần Việt K có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn V số tiền 139.024.000 đồng.

Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự .

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Việt K phải chịu 6.951.000 đồng. Ông V không phải chịu án phí. Ông Lê Văn V đã dự nộp 4.051.000 đồng theo biên lai thu số 0007444 ngày 05/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Việt K phải chịu là 300.000 đồng. Ngày 05/8/2024, ông K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005434 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ chuyên thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập